

Số: 40/2024/QĐST-HN&GD

Đại Từ, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2024, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/TLST-HN&GD ngày 18 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988;

ĐKNKTT: **Xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

Bị đơn: **Chị Lê Thị N**, sinh năm 1993;

ĐKHKT: **Xóm N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:

- Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Lê Thị N** xác định có 01 con chung là: cháu **Nguyễn Ngọc Trà M**, sinh ngày 26/9/2012 (giới tính: Nữ). Hiện Chị **Lê Thị N** đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 97/2017/QĐST-HN&GD ngày 15/5/2017, của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Anh **H**, chị **N** nhất trí thoả thuận:

- Thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ chị **Lê Thị N** sang cho anh **Nguyễn Văn H** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Trà M**, sinh ngày 26/9/2012 (giới tính: Nữ) kể từ ngày Quyết

định công nhận thỏa thuận có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động.

- Thỏa thuận về nuôi con chung tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 97/2017/QĐST-HN&GD ngày 15/5/2017, của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **H**, chị **N** thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Lê Thị N** (do anh **H** không yêu cầu).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Lê Thị N** thống nhất thỏa thuận: anh **H** chịu toàn bộ án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), anh **H** được đòi trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005349 ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Anh **H** được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đại Từ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã An Khánh, H.Đại Từ;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).